Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2209.00.00

Mã HS	2209.00.00
Mô tả hàng hóa	Giấm và chất thay thế giấm làm từ axit axetic
Đơn vị	lít/kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:59:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/22090000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2852
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2852
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2852
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2837
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2798
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2798
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2798
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2798
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2798
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2798
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E2836
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2836

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2836
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2836
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2836
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2836
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2840
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2840
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2840
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2840
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2840
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2840
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2840
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2804
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2800
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2800
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2800
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2800
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2800
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2800
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2800
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2800
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2800
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2800
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2800
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2800
VCFTA	2022	2022	4	VC!D2847
VCFTA	2023	2023	2	VC!E2847

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2847
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2847
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2847
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2847
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2844
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2844
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2844
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2844
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2844
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2844
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D2852
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E2852
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F2852
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G2852
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H2852
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2852
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D2823
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E2823
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F2823
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G2823
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H2823
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2823
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D2825
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E2825
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F2825
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G2825

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H2825
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2825
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	6,6	CPTPP!D2821
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	3,3	CPTPP!E2821
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2821
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2821
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2821
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2821
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2821
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2844
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2844
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2844
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2844
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2844
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2844
RCEP B	2022	2022	0	B!D2844
RCEP B	2023	2023	0	B!E2844
RCEP B	2024	2024	0	B!F2844
RCEP B	2025	2025	0	B!G2844
RCEP B	2026	2026	0	B!H2844
RCEP B	2027	2027	0	B!I2844
RCEP C	2022	2022	0	C!D2844
RCEP C	2023	2023	0	C!E2844
RCEP C	2024	2024	0	C!F2844
RCEP C	2025	2025	0	C!G2844
RCEP C	2026	2026	0	C!H2844

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2844
RCEP D	2022	2022	0	D!D2844
RCEP D	2023	2023	0	D!E2844
RCEP D	2024	2024	0	D!F2844
RCEP D	2025	2025	0	D!G2844
RCEP D	2026	2026	0	D!H2844
RCEP D	2027	2027	0	D!I2844
RCEP E	2022	2022	0	E!D2847
RCEP E	2023	2023	0	E!E2847
RCEP E	2024	2024	0	E!F2847
RCEP E	2025	2025	0	E!G2847
RCEP E	2026	2026	0	E!H2847
RCEP E	2027	2027	0	E!I2847
RCEP F	2022	2022	0	F!D2844
RCEP F	2023	2023	0	F!E2844
RCEP F	2024	2024	0	F!F2844
RCEP F	2025	2025	0	F!G2844
RCEP F	2026	2026	0	F!H2844
RCEP F	2027	2027	0	F!I2844
VIFTA	2024	2024	20	VI!F2654
VIFTA	2025	2025	20	VI!G2654
VIFTA	2026	2026	20	VI!H2654
VIFTA	2027	2027	20	VI!I2654

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2209.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 2209.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2852), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.